

Số: 102/2024/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Phạm Xuân H**, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1977; CCCD số: 046077007237, cấp ngày: 02/07/2021; nơi cấp: **Cục C** về TTXH; địa chỉ: **số C, đường P, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

2. Chị **Phạm Thị Thùy N**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1992; CCCD số 046192001148, cấp ngày: 19/04/2021; nơi cấp: **Cục C** về TTXH địa chỉ: **số C, đường P, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**; Địa chỉ liên lạc: **Kiệt A, đường B, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Xuân H** và chị **Phạm Thị Thùy N** tự nguyện kết hôn, được **Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 06/10/2011.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu **Phạm Xuân H1**, sinh ngày 25/6/2012 và cháu **Phạm Xuân B**, sinh ngày 28/5/2017.

Trên cơ sở nguyện vọng của cháu **H1** và **B**, hai đương sự thoả thuận giao cháu **Phạm Xuân H1**, sinh ngày 25/6/2012 cho anh **Phạm Xuân H** và giao cháu **Phạm Xuân B**, sinh ngày 28/5/2017 cho chị **Phạm Thị Thùy N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi nấng, giáo dục cho đến khi các con thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Hai đương sự thoả thuận anh **H** chịu toàn bộ Lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Phạm Xuân H** và chị **Phạm Thị Thùy N**.

- Về con chung: Giao cháu **Phạm Xuân H1**, sinh ngày 25/6/2012 cho anh **Phạm Xuân H** trực tiếp chăm sóc, nuôi nấng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Hoàng tròn 18 tuổi. Giao cháu **Phạm Xuân B**, sinh ngày 28/5/2017 cho chị **Phạm Thị Thùy N** trực tiếp chăm sóc, nuôi nấng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Bách tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Về lệ phí Tòa án: Anh **Phạm Xuân H** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh **H** đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 25/07/2024 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Anh **H** đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phong Điền;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Đạt**